TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 396/2023/HC-PT
Ngày: 14/12/2023
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Tào**
Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Tấn Long**
ông **Phạm Tồn**

Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 212/2023/TLPT-HC ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc: *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 336/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2023; giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:**

1. Ông Trương Văn N, sinh năm 1953; địa chỉ: thôn H, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông N*:* bà Trương Thị Â; địa chỉ: thôn H, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Ông Trương Văn D, sinh năm 1952; địa chỉ: thôn H, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông D*:* bà Trương Thị N1; địa chỉ: thôn H, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1948, địa chỉ: thôn H, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của những người khởi kiện: ông Trần Văn L; địa chỉ: D P, tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Trần Xuân T - Phó Chủ tịch. Có mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Văn L1 - Chủ tịch. Có mặt.

3. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Xuân Á - Giám đốc. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, người khởi kiện ông*** Trương Văn N**,** Trương Văn D**,** Nguyễn Văn C ***và người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:***

Thửa đất số 535, tờ bản đồ số 6, xã H, có nguồn gốc được xác định: từ năm 1977, 03 hộ ông N, C, D có nhà ở, đất ở ổn định tại thôn H *(Nay thuộc thửa đất trụ sở* UBND xã H*)*. Năm 1984, Đảng ủy, HĐND, UBND xã H vận động các hộ dân di dời nhà ở và đổi lại phần đất trên nhằm tạo điều kiện có mặt bằng làm trụ sở UBND xã đang sử dụng cho đến nay. Sau khi đổi đất 03 hộ dân trồng cây phi lao bao quanh, canh tác cây trồng theo mùa vụ, sử dụng ổn định, phù hợp quy hoạch, không có tranh chấp. Năm 2019, khi 03 hộ thực hiện việc kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các ông mới biết vào năm 2018 thửa đất này được quy chủ cho ông Nguyễn Văn N2. Quá trình đổi đất và thời gian sử dụng đất của 03 ông được nguyên Chủ tịch, Bí thư Đảng ủy xã H xác nhận và ký tên, điểm chỉ ngày 20/8/2021; Giấy xác nhận của nguyên Chủ tịch UBND xã T ngày 04/10/2021; Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của 65 người dân (33 người ở thôn H, 32 người thôn X) ngày 01/10/2021; Giấy xác nhận của các hộ sinh sống gần kề thửa đất gồm ông, bà: Mai Thị L2, Mai Thị Q, Nguyễn Văn L3; Tờ trình ngày 10/9/2019 có xác nhận của nguyên Bí thư Đảng ủy xã H, trưởng thôn X, thôn H và cư dân trên địa bàn. Sau khi đổi đất 03 hộ gia đình sử dụng ổn định, không có tranh chấp nhưng khi các ông có ý kiến thì Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện Q ban hành Thông báo số: 3349/TB-VPĐK ngày 11/11/2022 cập nhật chỉnh lý hồ sơ địa chính và quy chủ thửa đất của các ông sử dụng từ ông Nguyễn Văn N2 sang UBND xã H quản lý. Trước đây, do U nhiều lần nên cả 03 hộ gia đình các ông mới đồng ý đổi đất cho UBND xã xây trụ sở. Nay thửa đất vẫn còn tồn tại trên thực tế và còn có các cây phi lao, tràm do các ông trồng. Vì vậy, các ông có nguyện vọng được tiếp tục sử dụng thửa đất, nhưng qua nhiều lần khiếu nại, đối thoại tại nhiều cấp nhưng nguyện vọng của các ông không được giải quyết. Do đó, các ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Tuyên hủy Quyết định số: 1863/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện Q về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Trương Văn N, Trương Văn D, Nguyễn Văn C

- Tuyên hủy Quyết định số: 224/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của Chủ tịch UBND xã H, huyện Q về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trương Văn N, Trương Văn D, Nguyễn Văn C.

- Tuyên hủy Thông báo số: 3349/TB-VPĐK ngày 11/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q.

**** Tại văn bản số 440/UBND-TTr ngày 21/4/2023 người bị kiện*** UBND huyện Q ***trình bày:***

Sau khi nhận đơn khiếu nại lần 2 của các ông Trương Văn N, Trương Văn D, Nguyễn Văn C ở thôn H, xã H, Chủ tịch UBND huyện Q đã ban hành Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 về việc xác minh nội dung khiếu nại, thành lập Đ xác minh để làm rõ nội dung khiếu nại. Đoàn xác minh đã nghiên cứu, rà soát hồ sơ và tổ chức làm việc với các cá nhân, tổ chức có liên quan và có Báo cáo số 06/BC-TXM ngày 24/10/2022 kết quả xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 02/11/2022, UBND huyện đã tổ chức đối thoại với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại buổi đối thoại, các ông C, N, D không thống nhất vấn đề hội nghị đưa ra là việc đổi đất không có cơ sở, theo các ông việc đổi đất là thực tế và đề nghị các cấp các ngành giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông. Vì vậy, ngày 25/11/2022, Chủ tịch UBND huyện Q đã ban hành Quyết định số 1863/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của các ông C, N, D; trong đó không công nhận quyền sử dụng đất của các ông C, Nam, D do hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ chưa hợp lệ nên không có cơ sở xem xét. Đồng thời, yêu cầu UBND xã H tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm trong việc giải quyết hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với trường hợp của các ông T1, N, D đối với các vi phạm đã nêu trong quyết định. UBND huyện Q đã rà soát hồ sơ đề nghị cấp giấy GCNQSDĐ của các ông C, N, D và quá trình giải quyết hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của UBND xã H, đồng thời đối chiếu với các quy định pháp luật đất đai và các văn bản có liên quan để giải quyết, kết luận nội dung vụ việc. Sau khi tiến hành xác minh, đối thoại Chủ tịch UBND huyện Q nhận thấy:

Các ông T1, N, D có tờ trình gửi UBND xã H từ ngày 10/9/2019 đề nghị cấp GCNQSDĐ nhưng không nêu rõ số thửa, tờ bản đồ . Đến tháng 10/2021 các ông cung cấp thêm các tài liệu là giấy xác nhận của ông Trương Xuân V (nguyên Bí thư Đảng ủy xã H) về nguồn gốc sử dụng đất của các hộ; 02 phiếu lấy ý kiến khu dân cư có xác nhận của 55 công dân tại địa phương nhưng không có xác nhận của Trưởng thôn và UBND xã. Như vậy hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của các ông không đúng theo mẫu 4a/ĐK, 4b/ĐK được quy định tại Thông tư 24/2014/TT-BTNMT của Bộ T3; không có các giấy tờ theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của

Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2013. Tuy nhiên, UBND xã H vẫn tiếp nhận hồ sơ, đồng thời tiến hành kiểm tra hiện trạng sử dụng đất mà các ông đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất 535, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.295,1m^2 mà không trả lại hồ sơ và hướng dẫn các ông thực hiện theo đúng trình tự pháp luật về đất đai. Đến ngày 21/10/2021, do không được giải quyết đơn xin cấp GCNQSDĐ các ông có đơn khiếu nại, nhưng sau khi được UBND xã H mời làm việc và giải thích thì các hộ đã rút đơn khiếu nại và làm lại hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ. Tuy nhiên, khi làm lại hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ vào ngày 23/11/2021, các ông tiến hành lập chung một mẫu đăng ký và chỉ sử dụng mẫu 4a/ĐK, không có mẫu 4b/ĐK là chưa đúng theo quy định được quy định tại khoản 4 Điều 98 của Luật đất đai do hồ sơ đăng ký chỉ ghi tên các ông mà không có văn bản thỏa thuận của vợ các ông là chưa đảm bảo theo thủ tục chung. Mặt khác, tại đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất 229, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.295,1m^2, nhưng thực tế trên bản đồ thửa đất này có diện tích 30.431,6m^2. Vì vậy, đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ của các ông không đúng với diện tích đất trên thực tế xin cấp. Ngoài ra, tại đơn xin cấp đất ghi là đất ở và đất BHK (đất trồng cây hàng năm khác) nhưng không ghi cụ thể số diện tích theo mục đích sử dụng là chưa đảm bảo quy định về xác định mục đích sử dụng đất.

Về quá trình giải quyết hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của UBND xã H thì khi nhận hồ sơ nghị cấp GCNQSDĐ của các ông vào ngày 10/9/2019, đồng thời tiếp nhận phiếu lấy ý kiến của khu dân cư không đúng quy định của pháp luật, nhưng UBND xã H không hướng dẫn cụ thể mà vẫn tiến hành thực hiện thủ tục phối hợp với Chi nhánh VPĐKDĐ huyện Quảng Ninh, các hộ để tiến hành kiểm tra hiện trạng sử dụng đất và để kéo dài thời gian đến ngày 29/10/2021 mới trả lời các hộ chưa nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả lời kết nên chưa được giải quyết. Như vậy, việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ của UBND xã H đối với đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ của các hộ là vi phạm các điểm a *"...không hướng dẫn cụ thể khi tiếp nhận hồ sơ, gây phiền hà đối với người nộp hồ sơ..."*; điểm c *"Giải quyết thủ tục hành chính không đúng trình tự quy định, trì hoãn việc giao các loại giấy tờ đã được cơ quan có thẩm quyền ký cho người xin làm thủ tục hành chính"*; và điểm d *"Giải quyết thủ tục hành chính chậm so với thời hạn quy định"*; khoản 7, Điều 97 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Ngoài ra, theo biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất ngày 06/10/2020 do UBND xã H và Chi nhánh VPĐKĐĐ, Trưởng thôn cùng các hộ gia đình thì đã xác định được thửa đất các hộ xin cấp có số thửa 535, diện tích 1.295,1m^2 nhưng khi UBND xã H tiếp nhận hồ sơ xin cấp đất của các hộ là thửa 229, diện tích 1.236,51m^2 là không đúng với kết quả hiện trạng đã kiểm tra nhưng UBND xã H vẫn lập Tờ trình đề nghi trích đo đối với thửa đất 229 là không đúng với tờ trình xin cấp đất của các hộ dân và gây tốn kém đến kinh phí dẫn đến người dân bức xúc. Mặt khác, theo quy định tại Điều 12, Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 06/5/2021 của UBND tỉnh Q về quy định trình tự thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai áp dụng cho đối tượng là hộ gia đình, cá nhân ... thì thời hạn giải quyết hồ sơ, đăng ký, cấp GCNQSDĐ lần đầu thuộc phạm vi tránh nhiệm của UBND xã có tổng thời gian là 17 ngày, nhưng từ khi tiếp nhận hồ sơ

của các hộ vào ngày 23/11/2021 cho đến khi tra hồ sơ vào ngày 29/4/2022 thì việc giải quyết của UBND xã H đã quá thời hạn trên 100 ngày.

Trên cơ sở được nêu như trên: Tại Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện Q đã có kết luận: việc giải quyết hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ của các ông C, N, Dư của UBND xã H là không đúng các quy định tại các điểm a, c, d Khoản 7 Điều 97 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ và vi phạm về thời hạn giải quyết hồ sơ xin cấp đất. Đối với các ông C, N, D khi lập hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ nhưng thiếu mẫu 4b/ĐK; không có văn bản thỏa thuận của vợ theo quy định tại khoản 4 Luật đất đai 2013; đơn đăng ký cấp đất không đúng với diện tích thực tế và không ghi cụ thể loại đất, mục đích sử đất. Do đó, việc giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND huyện Q là đúng trình tự thủ tục về nội dung, hình thức theo quy định của pháp luật, nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông C, N, D.

**** Tại công văn số 431/UBND ngày 19/7/2023 của*** UBND xã H ***và ý kiến trình bày của Chủ tịch*** UBND xã H ***tại phiên tòa đều thống nhất trình bày:***

Ngày 09/6/2022, UBND xã H nhận được đơn khiếu nại của các ông C, N, D đề ngày 16/5/2022. Sau khi tiếp nhận đơn, UBND xã căn cứ luật khiếu nại và các văn bản hướng dẫn thi hành đã thực hiện những công việc cụ thể: ngày 22/6/2022 ban hành Thông báo thụ lý giải quyết đơn khiếu nại lần đầu; ngày 28/6/2022 ban hành Quyết định số 207/QĐ-UBND xác minh nội dung khiếu nại, trong đó giao cho T2 xác minh trong thời hạn 20 ngày phải tiến hành xác minh tại một số cán bộ xã thời kỳ những năm 1983 và các hộ dân sinh sống gần vị trí đất canh tác mà các ông đề nghị cấp GCNQSDĐ. Ngày 20/7/2022, Tổ xác minh ban hành báo cáo kết quả xác minh và ngày 21/7/2022 UBND xã tiến hành đối thoại với những người khiếu nại và người đại diện; ngày 22/7/2022 Chủ tịch UBND xã ban hành Quyết định số 224/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của các ông C, N, D. Nhận thấy, trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại của UBND xã H được thực hiện đúng thẩm quyền, đảm bảo về nội dung, hình thức, cho nên UBND xã giữ nguyên quan điểm đã được giải quyết và đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện. Đối với việc giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND huyện Q trong đó có chỉ ra những thiếu sót, khuyết điểm của UBND xã H trong quá trình thụ lý giải quyết yêu cầu của công dân về cấp GCNQSDĐ là đúng nên không có ý kiến gì và đã tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm.

**** Chi nhánh văn phòng đăng ký đất*** huyện Q ***trình bày tại văn bản số 94/CNVPĐK ngày 22/3/2023 như sau:***

Cơ sở để ban hành Thông báo số: 3349/TB - VPĐK ngày 11/11/2022 về việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính: tại trang số 100 thuộc Sổ mục kê xã H do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q ký phê duyệt ngày 03/6/2020 thể hiện thửa 535, tờ bản đồ 6 tên người sử dụng đất hộ ông Nguyễn Văn N2, mục đích

sử dụng đất rừng sản xuất. Ngày 27/9/2022, Chi nhánh Văn phòng Đ nhận được Tờ trình số 147/TTr-UBND ngày 22/9/2022 của UBND xã H về việc đề nghị cập nhật, chỉnh lý thửa đất 535, tờ bản đồ 6, xã H từ chủ sử dụng đất ông Nguyễn Văn N2, sử dụng vào mục đích rừng sản xuất thành đất BCS (đất bằng chưa sử dụng) do UBND xã H quản lý. Căn cứ đề nghị của UBND xã H là cơ quan quản lý đất đai cấp xã và quy định tại tiết a, điểm 1.2, khoản 1, Điều 17 Thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T3 quy định về cơ sở để quyết định thực hiện chỉnh lý bản đồ địa chính: *"a) Các thay đổi về ranh giới thửa đất, diện tích thửa đất, mục đích sử dụng đất được thực hiện trong các trường hợp: có quyết định giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất của cấp có thẩm quyền; quyết định của Uỷ ban nhân dân các cấp, bản án của Toà án nhân dân các cấp về việc giải quyết tranh chấp đất đai; kết quả cấp, chỉnh lý Giấy chứng nhận trong các trường hợp chuyển nhượng, chuyển đổi, thừa kế có liên quan đến thay đổi ranh giới, mục đích sử dụng đất; quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi ranh giới thửa đất do sạt lở, sụt đất tự nhiên; người sử dụng đất, cơ quan quản lý đất đai các cấp phát hiện có sai sót trong đo vẽ bản đồ địa chính;"*. Đối với việc thực hiện chỉnh lý, cập nhật hồ sơ địa chính thông tin về người sử dụng đất từ ông Nguyễn Văn N2 thành UBND xã H, mục đích sử dụng từ đất rừng sản xuất (mã đất RSX) thành đất bằng chưa sử dụng (mã đất BCS) và gửi Thông báo số: 3349/TB-VPĐK ngày 11/11/2022 về việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính đối với thửa đất số 535, tờ bản đồ số 6 cho UBND xã H theo quy định.

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai ban hành Thông báo số 3349/TB-VPĐK ngày 11/11/2022 là kết quả của công tác chỉnh lý bản đồ địa chính, sổ mục kê đất đai căn cứ theo đề nghị của UBND xã H là cơ quan quản lý đất đai cấp xã và quy định về chức năng, nhiệm vụ về chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T3 quy định về Hồ sơ địa chính; Điều 17 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T3 quy định về Bản đồ địa chính.

Theo kết quả thẩm định tại chổ ngày 21/6/2023 đối với thửa đất số 535 tờ bản đồ số 06 tại xã H, kết quả thẩm định như sau: diện tích do các ông C, N, D dẫn đạc đo đạc là 1.500,9m^2; diện tích theo bản đồ địa chính là 1.295.1m^2; trên đất không có các công trình xây dựng và có 01 cây Tràm lâu năm, đường kính khoảng 20-30cm, cao trên 2m; 05 cây phi lao, đường kính khoảng từ 10-30cm, cao trên 2m. Vị trí các cây trồng nằm dọc các cạnh biên thửa đất (có sơ đồ đo vẽ kèm theo). Toàn bộ số cây trên, các ông C, D, N trình bày do mình trồng từ năm 1984 cho đến nay.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32 khoản 1 Điều 116 điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 98, 100, 101 Luật Đất đai năm 2013; điểm a, c, d Khoản 7 Điều 97; Điều 108 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai; Thông tư số 24/2014/TT-

BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T3 quy định về Hồ sơ địa chính; Điều 17 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T3 quy định về Bản đồ địa chính; Điều 17, Điều 19, khoản 2 Điều 20, các Điều 27,28, 29,30, 31, 36, 37, 38, 39, 40 Luật khiếu nại; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí toà án; tuyên xử:

Bác đơn khởi kiện của các ông Trương Văn N, Trương Văn D, Nguyễn Văn C về việc yêu cầu hủy các Quyết định số: 224/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của Chủ tịch UBND xã H, huyện Q; Quyết định số: 1863/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện Q và Thông báo số: 3349/TB-VPĐK ngày 11/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần chi phí tố tụng, về án phí và thông báo về quyền kháng cáo.

Ngày 01/8/2023, ông Trần Văn L là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa, Đại diên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Trương Văn N, Trương Văn D và ông Nguyễn Văn C; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của ông Trương Văn N, Trương Văn D và ông Nguyễn Văn C; nhận thấy:

[1.1] Về hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

- Ngày 10/9/2019, các ông C, N, D có tờ trình gửi UBND xã H đề nghị cấp GCNQSDĐ nhưng không nêu rõ số thửa, tờ bản đồ . Đến tháng 10/2021 các ông cung cấp thêm các tài liệu là giấy xác nhận của ông Trương Xuân V (nguyên Bí thư Đảng ủy xã H) về nguồn gốc sử dụng đất của các hộ; 02 phiếu lấy ý kiến khu dân cư có xác nhận của 55 công dân tại địa phương nhưng không có xác nhận của Trưởng thôn và UBND xã.

Như vậy hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của các ông không đúng theo mẫu 4a/ĐK, 4b/ĐK được quy định tại Thông tư 24/2014/TT-BTNMT của Bộ T3; đồng thời không có các giấy tờ theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai 2013 và

Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2013.

- Ngày 23/11/2021, các ông C, N, D tiếp tục làm lại hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ nhưng tiến hành lập chung một mẫu đăng ký và chỉ sử dụng mẫu 4a/ĐK, không có mẫu 4b/ĐK là chưa đúng theo quy định được quy định tại khoản 4 Điều 98 của Luật đất đai do hồ sơ đăng ký chỉ ghi tên các ông mà không có văn bản thỏa thuận của vợ các ông là chưa đảm bảo theo thủ tục chung. Mặt khác, tại đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất 229, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.295,1m^2, nhưng thực tế trên bản đồ thửa đất này có diện tích 30.431,6m^2 là không đúng với diện tích đất trên thực tế xin cấp. Ngoài ra, tại đơn xin cấp đất ghi là đất ở và đất BHK (đất trồng cây hàng năm khác) nhưng không ghi cụ thể số diện tích theo mục đích sử dụng là chưa đảm bảo quy định về xác định mục đích sử dụng đất. Đồng thời, P lấy ý kiến khu dân cư không có xác nhận của UBND cấp xã, phường là không đúng trình tự thủ tục quy định tại Nghị định 43/2014/NĐ-CP nên không có giá trị để xác định nguồn gốc đất;

[1.2] Về quá trình sử dụng đất: quá trình giải quyết vụ án, các ông C, N, D cũng đều thừa nhận có trồng trọt các loại cây ngắn ngày, xen canh nhưng do điều kiện canh tác không thuận lợi nên việc trồng trọt không liên tục; phù hợp với kết quả xác minh khu dân cư ngày 18/01/2022 và kết quả xem xét hiện trạng sử dụng đất ngày 21/12/2021 do UBND xã H thực hiện và với kết quả kiểm tra, đo đạc của Tòa án cấp sơ thẩm. Do đó có đủ căn cứ xác định từ năm 1984 đến nay ông C, Nam, D không có quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục. Mặt khác, các ông đều sinh sống tại địa phương và gần thửa đất, nhưng qua nhiều lần thực hiện chủ trương cấp giấy CNQSD đất cho người dân, cũng như tiến hành đo đạc thiết lập bản đồ địa chính, lập sổ mục kê đất đai tại UBND xã nhưng không có một tài liệu nào thể hiện các ông kê khai, đăng ký chủ sử dụng đất, đồng thời các ông cũng không chứng minh được mình sử dụng đất liên tục, lâu dài.

Từ những căn cứ nêu trên thấy rằng các ông C, N, Dư nộp hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất nhưng Hồ sơ xin cấp đất thiếu mẫu kê khai; nội dung kê khai xin cấp đất không đúng số thửa, diện tích, mục đích sử dụng đất trên thực tế. Mặt khác nội dung quan trọng trong vụ án này là các ông C, N, D không có các giấy tờ được quy định tại Điều 100 Luật đất đai 2013 và không có quá trình sử dụng ổn định, liên tục, lâu dài theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai năm 2013. Do đó, án sơ thẩm tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn N, Trương Văn D, Nguyễn Văn C về việc yêu cầu hủy các Quyết định số: 224/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 của Chủ tịch UBND xã H, huyện Q; Quyết định số: 1863/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của Chủ tịch UBND huyện Q và Thông báo số: 3349/TB-VPĐK ngày 11/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Q là có căn cứ, đúng pháp luật. Các ông Trương Văn N, Trương Văn D, Nguyễn Văn C kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có sơ sở chấp nhận; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu luật pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trương Văn N, Trương Văn D, Nguyễn Văn C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên các ông là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được miễm án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của các ông Trương Văn N, Trương Văn D, Nguyễn Văn C; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2023/HC-ST ngày 24/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

2. Về án phí phúc thẩm: miễn án phí hành chính phúc thẩm đối với các ông Trương Văn N, Trương Văn D, Nguyễn Văn C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào